

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ  
TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON**

**Báo cáo của Hội đồng Quản trị  
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014***



## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31/12/2014	6 - 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 40

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”) đã được soát xét cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### 1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

#### Hội đồng Quản trị

##### Họ và tên

##### Chức vụ

Ông Võ Trường Thành

Chủ tịch

Ông Tạ Văn Nam

Thành viên

Bà Ngô Thị Hồng Thu

Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/4/2014)

Bà Diệp Thị Thu

Thành viên

Ông Nguyễn Nhân Nghĩa

Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/4/2014)

Ông Võ Diệp Văn Tuấn

Thành viên

Ông Đinh Văn Hóa

Thành viên

Ông Phương Xuân Thụy

Thành viên

Ông Nguyễn Quang Vinh

Thành viên (miễn nhiệm ngày 10/6/2014)

Ông Trần Việt Anh

Thành viên (bổ nhiệm ngày 10/6/2014)

#### Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thị Kim Tuyền

Trưởng ban

Bà Trần Lâm Thúy Quyên

Thành viên

Ông Hoàng Anh Tú

Thành viên

### 2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

##### Họ và Tên

##### Chức vụ

Ông Võ Trường Thành

Tổng Giám đốc

Ông Tạ Văn Nam

Phó Tổng Giám đốc

Bà Ngô Thị Hồng Thu

Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 28/7/2014)

Ông Võ Diệp Văn Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Ông Đinh Văn Hóa

Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Minh Ngọc

Phó Tổng Giám đốc

Ông Đào Ngọc Quyết

Giám đốc Tài chính – Kế toán trưởng



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

---

### 3. Các hoạt động chính

Sản xuất đồ mộc; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Đại lý ký gửi hàng hóa; Bán buôn phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ; Vận tải hàng hóa đường bộ; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng nhà các loại; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn sản phẩm mộc; Bán buôn thủy sản; Bán buôn sản phẩm nông lâm sản; Bán buôn phân bón.

### 4. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31/12/2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 40.

### 5. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

### 6. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc năm tài chính.

### 7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

### 8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng thời kỳ tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm tài chính đó. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám Đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

**9. Phê duyệt của Hội đồng quản trị**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

**Thay mặt Hội đồng Quản trị**



**Võ Trường Thành**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị  
Ngày 31 tháng 3 năm 2015

Số: 121/BCKTHN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ và BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

### Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2015, từ trang 06 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập, trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành và các Công ty con tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2015

**Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam**



**NGUYỄN LƯƠNG NHÂN**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0182-2013-042-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

A handwritten signature in blue ink, appearing to be "Lê Đình Huyền".

**LÊ ĐÌNH HUYỀN**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 1756-2013-042-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>3.254.991.188.370</b>	<b>2.786.452.860.182</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	V.01	<b>85.895.452.344</b>	<b>65.513.443.900</b>
1. Tiền	111		48.975.452.344	27.393.443.900
2. Các khoản tương đương tiền	112		36.920.000.000	38.120.000.000
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		<b>41.088.064.000</b>	<b>51.548.700.012</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	41.088.064.000	51.548.700.012
<i>III. Các khoản phải thu</i>	<b>130</b>	V.03	<b>705.417.529.366</b>	<b>390.023.029.967</b>
1. Phải thu khách hàng	131		596.802.950.966	273.661.750.405
2. Trả trước cho người bán	132		72.166.880.512	60.285.374.811
3. Các khoản phải thu khác	135		63.189.050.010	67.050.144.077
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(26.741.352.122)	(10.974.239.326)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	V.04	<b>2.365.243.674.783</b>	<b>2.245.347.148.559</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.375.663.707.065	2.255.053.754.553
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.420.032.282)	(9.706.605.994)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>	V.05	<b>57.346.467.876</b>	<b>34.020.537.743</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.780.084.194	1.582.734.690
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		36.747.746.898	1.231.710.867
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		1.956.145.576	14.258.800.471
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		16.862.491.208	16.947.291.715
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>757.582.924.872</b>	<b>731.584.077.916</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>505.156.511.795</b>	<b>514.607.366.691</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	365.158.734.518	390.259.605.640
- Nguyên giá	222		556.475.248.069	550.447.363.422
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(191.316.513.551)	(160.187.757.782)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	25.065.626.422	43.035.543.420
- Nguyên giá	228		30.373.729.374	50.080.622.274
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.308.102.952)	(7.045.078.854)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	114.932.150.855	81.312.217.632
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>240</b>		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>	V.09	<b>186.451.608.838</b>	<b>169.624.510.245</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		91.088.483.336	93.936.384.743
2. Đầu tư dài hạn khác	258		95.467.364.766	88.019.084.766
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(104.239.264)	(12.330.959.264)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>	V.10	<b>65.974.804.241</b>	<b>47.352.200.980</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		58.875.084.787	44.608.518.942
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		5.949.719.454	1.533.682.038
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.150.000.000	1.210.000.000
<i>VI. Lợi thế thương mại</i>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>4.012.574.113.242</b>	<b>3.518.036.938.097</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>2.762.099.347.514</b>	<b>2.570.447.529.029</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.628.750.528.762</b>	<b>2.418.235.135.024</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	1.858.302.549.797	1.859.156.824.212
2. Phải trả người bán	312	V.12	206.920.358.256	119.146.259.513
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	60.714.944.058	48.770.457.639
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	99.704.786.770	56.404.664.722
5. Phải trả người lao động	315	V.14	32.528.473.144	24.262.186.026
6. Chi phí phải trả	316	V.15	173.549.327.932	175.559.423.906
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	205.796.946.749	134.728.452.790
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.17	(8.766.857.945)	206.866.216
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	V.18	<b>133.348.818.753</b>	<b>152.212.394.005</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.000.000.000	1.000.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334		97.890.750.000	122.553.837.435
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		34.458.068.753	28.658.556.570
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	V.19	<b>1.155.945.108.898</b>	<b>851.318.854.224</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>1.155.945.108.898</b>	<b>851.318.854.224</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.671.000.000	735.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		67.654.726.763	99.062.086.763
3. Cổ phiếu quỹ	414		(420.631.294)	(420.631.294)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.633.606.960	10.494.752.650
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.767.885.040	3.767.885.040
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		8.963.110	8.963.110
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		73.629.558.320	3.405.797.956
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C. Lợi ích cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>		<b>94.529.656.830</b>	<b>96.270.554.844</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>4.012.574.113.242</b>	<b>3.518.036.938.097</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

<b>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	12.568.966.689	12.506.259.940
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	2.687.182.707	2.687.182.707
5. Ngoại tệ các loại	-	-
+ USD	27,233.45	70,603.68
+ EUR	616.29	636.88
+ GBP	-	45.00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Bình Dương, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đỗ Ngọc Nam

Đào Ngọc Quyết

Vũ Trường Thành



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		1.461.989.162.084	1.550.346.175.020
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		3.256.043.778	5.035.164.253
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	1.458.733.118.306	1.545.311.010.767
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.182.583.860.600	1.240.571.939.664
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		276.149.257.706	304.739.071.103
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	16.228.103.111	8.919.730.691
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	63.495.415.556	219.173.150.254
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		151.979.159.742	206.691.860.487
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	20.438.552.655	12.623.878.406
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	103.772.903.223	77.590.857.879
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		104.670.489.383	4.270.915.255
11. Thu nhập khác	31	VI.07	7.462.136.612	21.620.158.453
12. Chi phí khác	32	VI.08	25.098.426.446	28.798.483.456
13. Lợi nhuận (lỗ) khác	40		(17.636.289.834)	(7.178.325.003)
14. Phần lợi nhuận (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh			(2.108.947.107)	(1.265.226.440)
15. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	50		84.925.252.442	(4.172.636.188)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		22.157.240.338	1.128.107.698
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(4.416.037.416)	(607.619.448)
18. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		67.184.049.520	(4.693.124.438)
<b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho:</b>				
19. Lợi ích của cổ đông thiểu số			(3.435.898.015)	(8.562.489.059)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ			70.619.947.535	3.869.364.621
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ	70	VI.09	911	76

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Bình Dương, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Đỗ Ngọc Nam

Đào Ngọc Quyết

Võ Trường Thành





# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>84.925.252.442</b>	<b>(4.172.636.188)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	35.037.918.445	36.047.563.140
Các khoản dự phòng	03	4.253.819.084	4.379.912.324
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	4.500.009.879	(7.077.782.200)
Chi phí lãi vay	06	151.979.159.742	206.691.860.487
<b>Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>280.696.159.593</b>	<b>235.868.917.562</b>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(349.572.736.056)	156.205.121.752
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(119.870.998.212)	(310.542.936.178)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(214.688.894.317)	(167.474.004.088)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	17.421.632.627	6.356.906.672
Tiền lãi vay đã trả	13	(59.345.256.609)	(118.002.086.047)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	60.000.000	1.481.178.321
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.523.416.811)	(4.650.392.115)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(446.823.509.785)</b>	<b>(200.757.294.120)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(57.147.817.870)	(13.840.652.320)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	411.073.470	5.507.277.417
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(19.000.000.000)	(45.292.572.235)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.460.636.012	200.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(675.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.778.432.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.147.693.904	2.427.575.889
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(60.024.982.484)</b>	<b>(50.998.371.249)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	234.263.640.000	170.631.970.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.275.991.521.244	1.286.071.954.084
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(983.024.660.531)	(1.145.753.221.284)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>527.230.500.713</b>	<b>310.950.702.800</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>20.382.008.444</b>	<b>59.195.037.431</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	65.513.443.900	6.318.406.469
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>85.895.452.344</b>	<b>65.513.443.900</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Bình Dương, ngày 31 tháng 3 năm 20

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Đỗ Ngọc Nam

Đào Ngọc Quyết

Vũ Trường Thành



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

## I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/8/2003 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 15 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 13/01/2015 do Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là TTF kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 02 năm 2008.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

### 2. Tên giao dịch và trụ sở

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Truong Thanh Furniture Corporation. Tên viết tắt: TTFC.

Trụ sở chính đặt tại: Đường DT747, Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

### 3. Lĩnh vực kinh doanh

Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ.

### 4. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất đồ mộc;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
  
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn sản phẩm mộc;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn sản phẩm nông lâm sản;
- Bán buôn phân bón.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 5. Danh sách các công ty con và công ty liên kết, liên doanh

#### Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Tỷ lệ theo vốn đã góp thực tế
<b>Công ty con trực tiếp</b>				
Công ty CP Trường Thành (Đaklak 1)	Km 86, QL 14, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh ĐakLak	30.000.000.000	70%	70%
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Đaklak 2)	Thôn 05, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh ĐakLak	28.000.000.000	70%	70%
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)	KP 7, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	126.239.000.000	64%	64%
Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)	KP 4, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	56.470.000.000	51%	100%
Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành	35 Quang Trung, phường Thống Nhất, tp Buôn Mê Thuột, tỉnh Đaklak	60.000.000.000	99%	100%
Công ty CP Trồng Rừng Trường Thành	35 Quang Trung, phường Thống Nhất, tp Buôn Mê Thuột, tỉnh Đaklak	53.191.490.000	41%	46%
Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành	C8, KCN Hòa Hiệp, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	40.000.000.000	60%	60%
Công ty CP Trường Thành Xanh	81 Nguyễn Tất Thành, phường 02, tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	100.000.000.000	60%	100%
Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	Đào Trinh Nhất, KP 01, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. HCM	25.000.000.000	46%	98%
Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đăknông	204 Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăknông	60.000.000.000	96%	99%
Công ty CP Thương mại XNK Trường Thành Đăknông	Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông	50.000.000.000	98%	95%
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành M'drak	Cụm công nghiệp M'Đăk, Xã Krông Jing, Huyện M'Đrăk, Tỉnh Đăk Lăk	10.000.000.000		95%

#### Công ty con gián tiếp

Công ty CP Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	xã Hòa Tiến, huyện Krong Păk, tỉnh Đaklak	10.000.000.000	50%	85%
Công ty CP Vật liệu xây dựng Trường Thành - Phước An	107 Lê Duẩn, khối 04, thị trấn Phước An, huyện Krong Păk, tỉnh Đaklak	10.000.000.000	50%	52%

#### Công ty liên kết, liên doanh

Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Tỷ lệ theo vốn đã góp thực tế
Công ty CP Bao bì Trường Thành	19 đường số 11, KP 01, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. HCM	6.500.000.000	23%	44%
Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI	81 Nguyễn Tất Thành, phường 02, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	7,018,000.00 USD	51%	51%



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- 2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Hợp nhất báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành và các Công ty con ("Tập đoàn") vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Các báo cáo tài chính của các Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các Công ty con và Công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty không còn kiểm soát công ty con đó. Trong trường hợp Công ty không còn kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc năm báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo phương pháp cộng giá trị sổ sách. Báo cáo tài chính của công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Tập đoàn theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

#### 2. Đầu tư vào Công ty liên kết

Đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là một đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể và đơn vị đó không phải là một Công ty con hay một liên doanh.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc cộng với giá trị thay đổi trong tài sản thuần của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập đoàn nắm giữ. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được bao gồm trong giá trị sổ sách của khoản đầu tư và được phân bổ trong thời gian 10 năm.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần kết quả hoạt động của Công ty liên kết tương ứng với tỷ lệ vốn mà Tập đoàn nắm giữ. Khi có các khoản được ghi trực tiếp vào các tài khoản thuộc vốn chủ sở hữu của Công ty liên kết, Tập đoàn ghi nhận phần tỉ lệ của mình, khi thích hợp, vào các tài khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu tương ứng của Tập đoàn. Lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch giữa Tập đoàn với Công ty liên kết sẽ được loại trừ tương ứng với phần lợi ích trong Công ty liên kết.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Công ty.

### 3. Đầu tư vào công ty liên doanh

Liên doanh là thoả thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các liên doanh được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

### 4. Đầu tư tài chính khác

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

#### Dự phòng các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

### 5. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 7. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính, thì:

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 8. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### 9. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 10. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.

#### Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

Riêng đối với một số máy móc sản xuất sản phẩm mộc như máy cưa, máy phay, máy bào... và lò sấy tại Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng sản xuất.

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
Máy móc thiết bị	04 - 20 năm
Phương tiện vận tải	06 - 14 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
Phần mềm tin học	05 - 20 năm

#### Quyền sử dụng đất

Đối với quyền sử dụng đất không thời hạn: Công ty không tính khấu hao

Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn: Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian sử dụng cụ thể được ghi trên từng giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

*(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**11. Chi phí trả trước**

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn;
- Quyền sử dụng đất;
- Chi phí khác chờ phân bổ.

**12. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

**13. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp**

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và theo Quy chế lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

**14. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**15. Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

**16. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

**17. Nguyên tắc ghi nhận vốn**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 18. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

### 19. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

### 20. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

### 21. Thuế

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 22% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Công ty CP Nông Lâm Công nghiệp Trường An được hưởng thuế suất thuế TNDN là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu, miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Công ty CP Trường Thành (Daklak 1) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Trường Thành - Phước An được hưởng thuế suất là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu, miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh và được miễn thuế TNDN trong 03 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Công ty CP Trường Thành Xanh (Phú Yên) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đắk Nông được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Công ty CP TM XNK Trường Thành Đak Nông được thành lập tại địa bàn có kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư, được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành M'Đrăk được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

### Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa có những chứng cứ thích hợp về việc quyền phát triển có được xem là chi phí cho mục đích tính thuế, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản thu nhập chưa thực hiện khi hợp nhất liên quan đến khoản vốn góp của Công ty vào liên doanh Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI.

## V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt		590.687.146	348.765.895
Tiền gửi ngân hàng bằng VND	(1.1)	46.810.157.118	24.756.392.195
Tiền gửi ngân hàng bằng Ngoại tệ		598.303.080	1.518.285.810
Tiền đang chuyển		976.305.000	770.000.000
Các khoản tương đương tiền	(1.2)	36.920.000.000	38.120.000.000
<b>Cộng</b>		<b>85.895.452.344</b>	<b>65.513.443.900</b>

(1.1) Trong đó, bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng với số tiền 40 tỷ đồng đang được Ngân hàng TMCP Quốc tế VN (VIB) giữ tại tài khoản phong tỏa để hoàn tất các thủ tục thu hồi nợ tương ứng.

(1.2) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 - 3 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 4% đến 4,5%/năm. Các hợp đồng tiền gửi này đang được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Đầu tư ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản cho vay ngắn hạn đến các nhân viên Công ty	280.000.000	290.000.000
Các khoản cho vay ngắn hạn đến các tổ chức (*)	28.661.064.000	51.258.700.012
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng (lãi suất 8%/năm)	12.147.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>41.088.064.000</b>	<b>51.548.700.012</b>

(*) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH SX-XD-TM Đại Dương	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH XD Đồng Long	5.048.576.000	4.000.000.000
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành Oji	23.312.488.000	7.158.700.012
Công ty Cổ phần Vũ Tuấn	-	39.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>28.661.064.000</b>	<b>51.258.700.012</b>

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng (3.1)	596.802.950.966	273.661.750.405
Trả trước cho người bán	72.166.880.512	60.285.374.811
Phải thu khác (3.2)	63.189.050.010	67.050.144.077
<b>Cộng</b>	<b>732.158.881.488</b>	<b>400.997.269.293</b>
Dự phòng phải thu khó đòi (3.3)	(26.741.352.122)	(10.974.239.326)
<b>Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>705.417.529.366</b>	<b>390.023.029.967</b>

(3.1) Trong đó, bao gồm khoản phải thu khách hàng gốc ngoại tệ là 15,230,886.95 USD tương đương 322.369.359.784 đồng.

(3.2) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu liên quan đến lợi nhuận được chia	990.100.000	2.282.580.000
Khoản phải thu từ việc thu hồi vốn đầu tư	-	12.717.420.000
Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi	3.505.685.442	332.021.241
Các khoản cho mượn vật tư	-	660.160.240
Phải thu gốc và lãi cho vay đối với Công ty Tân Phát (*)	23.417.675.770	23.417.675.770
Phải thu khoản cho mượn, không lãi suất	13.226.937.773	2.041.345.049
Phải thu các bên liên quan của các công ty con	7.921.069.324	24.575.609.339
Phải thu khoản thuế GTGT tương ứng doanh thu chưa xuất hóa đơn	2.651.469.848	-
Phải thu nhân viên liên quan đến khoản bồi thường thiệt hại	1.227.194.893	-
Diện tích rừng chết tại huyện Sông Hinh và huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên chờ xử lý	5.642.997.585	-
Và các khoản phải thu khác	4.605.919.375	1.023.332.438
<b>Cộng</b>	<b>63.189.050.010</b>	<b>67.050.144.077</b>

(\*) Theo quyết định số 59/QĐ-CTHADS ngày 05/9/2013 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk yêu cầu Công ty TNHH XD&TM Tân Phát trả cho Công ty Cổ phần Trồng rừng Trường Thành số tiền 23.417.675.770 đồng; Theo Công văn số 53/CTHADS-NV ngày 25/10/2012 của Cục trưởng cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk đề nghị Chánh án tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm Soát Nhân dân tối cao kháng nghị bản án số 46/2010/KDTM-PT ngày 21/9/2010 của tòa án Nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**(3.3) Dự phòng phải thu khó đòi:**

Số dư dự phòng phải thu khó đòi đầu năm	(10.974.239.326)
Số trích lập trong năm	(15.767.112.796)
Số hoàn nhập trong năm	-
<b>Số dư dự phòng phải thu khó đòi cuối năm</b>	<b>(26.741.352.122)</b>

4. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	3.799.985.585	16.196.652.205
Nguyên vật liệu, phụ liệu	1.331.707.466.061	1.108.867.598.192
Công cụ, dụng cụ	1.109.718.210	188.809.465.680
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	828.405.846.050	739.184.327.591
Thành phẩm	91.268.009.999	159.716.942.063
Hàng hoá	104.224.388.571	31.168.149.332
Hàng gửi bán	15.148.292.589	11.110.619.491
<b>Cộng</b>	<b>2.375.663.707.065</b>	<b>2.255.053.754.553</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(*) (10.420.032.282)	(9.706.605.994)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>2.365.243.674.783</b>	<b>2.245.347.148.559</b>

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho cuối năm (31/12/2014) đã được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

**(\*) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	(9.706.605.994)
Số trích lập trong năm	(713.426.288)
Số hoàn nhập trong năm	-
<b>Số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm</b>	<b>(10.420.032.282)</b>

5. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.780.084.194	1.582.734.690
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	36.747.746.898	1.231.710.867
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	1.956.145.576	14.258.800.471
Tài sản ngắn hạn khác	(*) 16.862.491.208	16.947.291.715
<b>Cộng</b>	<b>57.346.467.876</b>	<b>34.020.537.743</b>

(*) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	585.022	585.022
Các khoản tạm ứng	12.701.485.341	14.330.078.416
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	(**) 4.160.420.845	2.616.628.277
<b>Cộng</b>	<b>16.862.491.208</b>	<b>16.947.291.715</b>

(\*\*) Trong đó, bao gồm 4,020.00 USD tương đương 85.923.480 đồng và 127,860.00 EUR tương đương 3.271.538.160 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý & TSCĐ khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	244.948.006.157	277.758.380.887	23.239.610.737	4.501.365.641	550.447.363.422
Tăng	3.237.605.415	3.222.071.614	208.000.000	230.442.500	6.898.119.529
Giảm	-	870.234.882	-	-	870.234.882
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>248.185.611.572</b>	<b>280.110.217.619</b>	<b>23.447.610.737</b>	<b>4.731.808.141</b>	<b>556.475.248.069</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	68.387.319.644	76.021.087.649	12.505.564.236	3.273.786.253	160.187.757.782
Tăng	10.820.364.824	17.642.367.539	2.571.491.729	419.325.330	31.453.549.422
Giảm	-	324.793.653	-	-	324.793.653
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>79.207.684.468</b>	<b>93.338.661.535</b>	<b>15.077.055.965</b>	<b>3.693.111.583</b>	<b>191.316.513.551</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	176.560.686.513	201.737.293.238	10.734.046.501	1.227.579.388	390.259.605.640
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>168.977.927.104</b>	<b>186.771.556.084</b>	<b>8.370.554.772</b>	<b>1.038.696.558</b>	<b>365.158.734.518</b>

TSCĐ tăng trong năm do mua sắm mới và xây dựng cơ bản hoàn thành chuyển sang; giảm do thanh lý, nhượng bán  
 Tài sản cố định đang được dùng để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

**7. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm, website	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	43.921.524.900	6.159.097.374	50.080.622.274
Tăng	17.500.000.000	-	17.500.000.000
Giảm	37.206.892.900	-	37.206.892.900
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(*) 24.214.632.000</b>	<b>6.159.097.374</b>	<b>30.373.729.374</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.994.384.191	2.050.694.663	7.045.078.854
Tăng	3.247.521.477	336.847.546	3.584.369.023
Giảm	5.321.344.925	-	5.321.344.925
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.920.560.743</b>	<b>2.387.542.209</b>	<b>5.308.102.952</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	38.927.140.709	4.108.402.711	43.035.543.420
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>21.294.071.257</b>	<b>3.771.555.165</b>	<b>25.065.626.422</b>

Tài sản cố định vô hình tăng do phân loại từ chi phí trả trước dài hạn sang; giảm trong năm do phân loại sang chi phí trả trước dài hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm:	Diện tích (m2)	Thời hạn sử dụng	Nguyên giá
Quyền sử dụng đất số T00405: tọa lạc tại phường Thống Nhất, Tp. Buon Ma Thuộc, Đắk Lắk	175,20	lâu dài	5.256.000.000
Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại Thôn 1, xã EaRai, huyện Ea H'leo, Đắk Lắk	14.884,00	lâu dài	1.458.632.000
Giá trị đất của cánh rừng 377 ha tại xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông	3.770.000,00	42 năm từ năm 2008 đến năm 2049	17.500.000.000
<b>Cộng</b>			<b>24.214.632.000</b>

Tính đến ngày 31/12/2014, toàn bộ Quyền sử dụng đất của Công ty đã được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 10.320 m <sup>2</sup> đất tại Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	32.500.000.000	32.500.000.000
Chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Xã Phước Tân, Huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	-	828.300.000
Lô đất (250 m <sup>2</sup> ) có thời gian sử dụng lâu dài tại quốc lộ 14, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk và 08 lô đất khác tại Đắk Lắk	843.700.000	843.700.000
Chi phí xây dựng 02 nhà kho tại Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	37.482.166.672	37.377.856.346
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, đường nội bộ,... chưa hoàn thành	36.037.016.572	-
Xây dựng cơ bản dở dang và mua sắm tài sản cố định khác	8.069.267.611	9.762.361.286
<b>Cộng</b>	<b>114.932.150.855</b>	<b>81.312.217.632</b>

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (9.1)	91.088.483.336	93.936.384.743
Đầu tư dài hạn khác (9.2)	95.467.364.766	88.019.084.766
<b>Cộng</b>	<b>186.555.848.102</b>	<b>181.955.469.509</b>
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn (9.3)	(104.239.264)	(12.330.959.264)
<b>Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>186.451.608.838</b>	<b>169.624.510.245</b>

(9.1) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh:

Tên các công ty liên kết, liên doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp	Vốn phải góp	Vốn góp thực tế 31/12/2014
Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI	7,018,000.00 USD	51%	(*)	94.191.518.700
Công ty CP Bao bì Trường Thành	6.500.000.000	23%		2.000.000.000
<b>Cộng</b>				<b>96.191.518.700</b>

Khoản tổn thất phát sinh tại Công ty liên kết, liên doanh (5.103.035.364)

**Phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của các Công ty liên kết, liên doanh 91.088.483.336**



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(\*): Đầu tư vào Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI chiếm 51% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 7,018,000.00 USD). Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI được thành lập trên cơ sở liên doanh giữa Công ty và Công ty CP Tập đoàn OJI (Nhật Bản). Theo đó, Công ty đã góp 170,400.00 USD bằng tiền, và 3,408,600.00 USD bằng Quyền Phát triển trên diện tích đất rừng dự kiến là 17.043 ha thuộc địa bàn Tỉnh Phú Yên trên cơ sở xác định giá trị bằng thỏa thuận giữa 02 bên và giá trị 1.520,06 ha rừng trồng trị giá 18.993.149.700 đồng.

### (9.2) Danh sách các khoản đầu tư dài hạn khác:

(9.2.1) Khoản đầu tư vào các công ty:	Số lượng cổ phần sở hữu	Đơn giá	Giá trị đầu tư 31/12/2014
Công ty CP Công nghiệp và Thương mại Lidovit	28.960	9.661	279.784.766
Quỹ Đầu tư Chứng khoán y tế Bản Việt (*)	173	100.000.000	17.282.580.000
Công ty CP Phú Hữu Gia	5.268.000	10.000	52.680.000.000
Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành	555.000	10.000	5.550.000.000
Công ty CP Nông Lâm Nghiệp Trường Thành			675.000.000
<b>Cộng</b>			<b>76.467.364.766</b>

### (9.2.2) Các khoản đầu tư tài chính khác:

Cho vay đến Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành - Ea H'leo	(*)	<b>19.000.000.000</b>
<b>Tổng cộng đầu tư tài chính dài hạn khác (9.2)</b>		<b>95.467.364.766</b>

(\*) Khoản cho vay đến Công ty Cổ phần Quản lý Cụm CN Trường Thành - Ea h'leo theo hợp đồng cho vay số 01/2008/HĐVV TTDL3-TTDL1 ngày 20/12/2008 với số tiền cho vay là 19.000.000.000 đồng; thời hạn vay: 72 tháng; lãi suất cho vay: 14%/năm.

### (9.3) Các khoản dự phòng đầu tư mua cổ phiếu và chứng từ có giá

Khoản đầu tư vào	Trị giá đầu tư	Số lượng cổ phần	Đơn giá bình quân	Dự phòng
Công ty CP Lidovit	279.784.766	28.960	9.661	-
Quỹ Đầu tư Chứng khoán y tế Bản Việt	17.282.580.000	173	100.000.000	-
Công ty CP Phú Hữu Gia	52.680.000.000	5.268.000	10.000	-
Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành	5.550.000.000	555.000	10.000	(104.239.264)
<b>Cộng</b>				<b>(104.239.264)</b>

10. Tài sản dài hạn khác		Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	(10.1)	58.875.084.787	44.608.518.942
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		5.949.719.454	1.533.682.038
Tài sản dài hạn khác	(10.2)	1.150.000.000	1.210.000.000
<b>Cộng</b>		<b>65.974.804.241</b>	<b>47.352.200.980</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

*(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

(10.1) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn chờ phân bổ	4.846.065.744	6.274.154.883
Chi phí thuê đất trả trước chờ phân bổ (*)	53.234.306.288	37.282.482.716
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	494.420.947	667.395.188
Phí đánh giá tác động môi trường	288.346.866	288.346.866
Chi phí chờ phân bổ khác	11.944.942	96.139.290
<b>Cộng</b>	<b>58.875.084.787</b>	<b>44.608.518.943</b>

(\*) Bao gồm:

- Chi phí thuê đất trả trước cho Công ty Cổ phần Lâm Sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương liên quan đến hợp đồng thuê đất số 001/HĐTD-CCN ngày 27/01/2011 được ký giữa 02 bên. Theo đó, Công ty sẽ thuê lại lô đất có diện tích 26.405,5 m<sup>2</sup> tọa lạc tại Lô A thuộc Cụm Công nghiệp Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương bao gồm hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống đường giao thông, cây xanh, hệ thống thoát nước, hệ thống điện... nhằm mục đích xây dựng nhà xưởng để sản xuất với giá thuê lại đất là 40.5 USD/m<sup>2</sup> (đã bao gồm thuế GTGT 10 % nhưng chưa bao gồm phí quản lý là 0,06 USD/m<sup>2</sup>/tháng) trong vòng 50 năm kể từ ngày 27/01/2011. Khoản chi phí này là khoản tiền Công ty đã chuyển cho Công ty Cổ phần Lâm sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương tương đương với 100% giá trị hợp đồng. Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2014 là 18.936.230.680 đồng.

- Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 09/11/2059 tại thửa đất số 905 thuộc tờ khai bản đồ số 16/4 tọa lạc tại xã Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương có diện tích là 4.417 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số TO1631/CN-2009 với giá nhận chuyển nhượng là 2.663.451.000 đồng. Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2014 là 2.343.881.050 đồng.

- Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 35 thuộc thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với diện tích là 120.478,5 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đến tháng 6 năm 2054. Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2014 là 31.112.216.329 đồng.

- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại thửa đất số 218, tờ bản đồ số 02, xã Hòa Tiến, huyện Krông Păk, tỉnh Đắk Lắk đến tháng 8/2059. Giá trị còn lại tại 31/12/2014 là 457.852.896 đồng.

- Khoản chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng để nhận được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn 50 năm tại thôn 5, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk. Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2014 là 384.125.333 đồng.

Các quyền sử dụng đất này đang được dùng để thế chấp, đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng.

(10.2) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản ký quỹ đầu tư dự án trồng rừng kinh tế theo công văn số 2135/CV-STC ngày 27/6/2008 của UBND Tỉnh Phú Yên	400.000.000	400.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	750.000.000	810.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.150.000.000</b>	<b>1.210.000.000</b>

11. Vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn từ các Ngân hàng (11.1)	1.797.774.494.777	1.716.239.015.019
Vay từ các Tổ chức (11.2)	38.936.205.020	38.165.205.020
Vay từ các Cá nhân (11.3)	300.000.000	4.100.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (18.1*)	21.291.850.000	100.652.604.173
<b>Cộng</b>	<b>1.858.302.549.797</b>	<b>1.859.156.824.212</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH VÀ CÁC CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(11.1) Vay từ các Ngân hàng có số dư nợ vay tại ngày 31/12/2014	USD	Tương đương VND
Vay bằng VND		1.171.294.949.343
Vay bằng USD	29,318,585.99	626.479.545.434
<b>Cộng</b>		<b>1.797.774.494.777</b>

Tất cả các khoản vay từ các ngân hàng với mục đích vay là bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh, bao gồm thanh toán tiền mua gỗ nguyên liệu và các chi phí đầu vào khác, chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất khẩu theo phương thức L/C, D/P và D/A. Các khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản cá nhân của Ông Võ Trường Thành, hàng hoá tồn kho luân chuyển, các tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Công ty, các khoản phải thu đã hình thành và sẽ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng xuất khẩu.

Tại thời điểm 31/12/2014, lãi suất các khoản vay từ các ngân hàng dao động từ 12% đến 14,5%/năm đối với khoản vay bằng VND và dao động từ 2,5% đến 5%/năm đối với khoản vay bằng ngoại tệ (USD).

(11.2) Vay từ các tổ chức	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty CP Phú Hữu Gia	33.645.205.020	33.645.205.020
Công ty CP Vận tải Vũ Thành	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Vũ Tuấn	991.000.000	-
Công TY TNHH MTV Lâm nghiệp Phước An	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH MTV Ô tô Tấn Phát Đắk Nông	-	220.000.000
<b>Cộng</b>	<b>38.936.205.020</b>	<b>38.165.205.020</b>

Tại thời điểm 31/12/2014, lãi suất tiền vay từ các tổ chức khác từ 12% - 15%/năm. Các khoản vay này là vay tín chấp.

(11.3) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay từ Ông Võ Diệp Văn Tuấn	-	1.600.000.000
Vay từ Ông Võ Trường Thành	300.000.000	-
Vay từ Bà Diệp Thị Thu	-	1.850.000.000
Vay từ Bà Võ Diệp Cẩm Vân	-	650.000.000
<b>Cộng</b>	<b>300.000.000</b>	<b>4.100.000.000</b>

12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán (*)	206.920.358.256	119.146.259.513
Người mua trả tiền trước	60.714.944.058	48.770.457.639
<b>Cộng</b>	<b>267.635.302.314</b>	<b>167.916.717.152</b>

(\*) Trong đó, bao gồm khoản phải trả người bán bằng ngoại tệ là 2,143.63 USD tương đương 45.817.916 đồng.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	67.007.163.337	41.175.170.691
Thuế TNDN phải nộp	28.564.577.782	10.548.530.518
Thuế TNCN phải nộp	3.766.236.019	4.553.342.436
Các loại thuế khác	366.809.632	127.621.077
<b>Cộng</b>	<b>99.704.786.770</b>	<b>56.404.664.722</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>14. Phải trả người lao động</b>		
Khoản lương phải trả người lao động	<b>32.528.473.144</b>	<b>24.262.186.026</b>
<b>15. Chi phí phải trả</b>		
Chi phí lãi vay còn phải trả bằng VND	134.595.277.086	161.594.716.535
Chi phí lãi vay còn phải trả bằng ngoại tệ	28.765.580.232	13.156.525.724
Chi phí khai thác rừng Quảng Khuê phải trả	8.141.878.500	-
Chi phí phải trả khác	2.046.592.114	808.181.647
<b>Cộng</b>	<b>173.549.327.932</b>	<b>175.559.423.906</b>
<b>16. Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>		
Tài sản thừa chờ xử lý	973.244.368	872.304.976
Kinh phí Công đoàn, Bảo hiểm bắt buộc và lãi chậm nộp bảo hiểm còn phải nộp	74.227.180.255	51.919.302.923
Các khoản tiền mượn thanh toán, không lãi suất	95.704.635.384	70.149.435.556
Phải trả các bên liên quan	15.470.428.306	3.871.961.550
Cổ tức còn phải trả	963.790.800	963.790.800
Phải trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	2.440.973.622	2.454.973.622
Khoản phải trả liên quan đến phạt chậm nộp thuế	12.619.980.233	1.677.390.826
Và các khoản phải trả khác	3.396.713.782	2.819.292.537
<b>Cộng</b>	<b>205.796.946.749</b>	<b>134.728.452.790</b>
<b>17. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi</b>		
Quỹ Khen thưởng Phúc lợi đầu năm	206.866.216	
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế	277.708.620	
Chi thưởng trong năm	(9.251.432.781)	
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(8.766.857.945)</b>	
Quỹ khen thưởng, phúc lợi có số dư âm cuối năm là do chờ Quyết định trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2014 từ HĐQT và ĐHĐCĐ.		
<b>18. Nợ dài hạn</b>		
Phải trả dài hạn khác (nhận đặt cọc tiền cho thuê mặt bằng)	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay và nợ dài hạn	<b>(18.1)</b> 97.890.750.000	122.553.837.435
Doanh thu chưa thực hiện	<b>(18.2)</b> 34.458.068.753	28.658.556.570
<b>Cộng</b>	<b>133.348.818.753</b>	<b>152.212.394.005</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>(18.1) Số dư khoản vay dài hạn tại ngày 31/12/2014</b>	Số cuối năm
NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	78.338.600.000
NH TMCP Kiên Long - Chi nhánh Bình Dương	40.000.000.000
NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Buôn Mê Thuột	844.000.000
<b>Cộng vay dài hạn</b>	<b>119.182.600.000</b>
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	(21.291.850.000)
<b>Cộng vay và nợ dài hạn</b>	<b>97.890.750.000</b>

### Vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk:

- Theo Hợp đồng dự án đầu tư phát triển số 2012/2708/NMT/TTF/HĐTĐ ngày 27/8/2012 với số tiền là 30.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 84 tháng, thời hạn ân hạn trả gốc 12 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Mục đích vay là đầu tư trồng, chăm sóc và khai thác rừng nguyên liệu và cao su liên kết tại huyện Krong Păk, tỉnh ĐăkLăk. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại ngày 31/12/2014 là 14,6%/năm. Tài sản đảm bảo khoản vay này là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **21.490.750.000 đồng**. Trong đó, bao gồm nợ dài hạn đến hạn trả là 2 tỷ đồng.

- Theo hợp đồng số 12/01/CPLNTT/NG/HĐTĐ ngày 27/8/2012 với hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng; mục đích vay: bù đắp một phần chi phí đã chi và chi phí đầu tư mới phục vụ thực hiện dự án tổng thể đầu tư trồng, cải tạo và khai thác 3.162,8 ha rừng nguyên liệu trên địa bàn tỉnh Đăklăk; thời hạn vay: 84 tháng (thời gian ân hạn: 12 tháng); Nợ gốc được trả theo thời gian được quy định trong hợp đồng; lãi suất vay được điều chỉnh theo thông báo từ Ngân hàng cho từng thời kỳ và được trả lãi hàng quý (lãi suất vay tại ngày 31/12/2014 là 10,6%/năm). Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay với giá trị đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 01/2012/CPLNTT/NG/HĐTĐ ngày 27/8/2012 là 99.634.000.000 đồng và giá trị gia tăng theo quá trình đầu tư còn lại. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **52.400.000.000 đồng**. Trong đó, phần nợ dài hạn đến hạn trả là 10.000.000.000 đồng.

- Theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 08/51/VN/NHNT ngày 15/12/2008 với số tiền là 10 tỷ đồng; Hạn trả nợ đợt cuối là ngày 15/12/2013; Mục đích sử dụng nhằm đầu tư xây dựng nhà máy gạch tuynel; Lãi suất vay 1,2%/tháng; Tài sản đảm bảo nợ vay là dây chuyền sản xuất gạch tuynel nhãn hiệu Handle theo hợp đồng thế chấp số 08/51/NV/HĐTĐ ngày 15/12/2008; Tài sản hình thành sau đầu tư (toàn bộ nhà xưởng, nhà máy sản xuất gạch nung), quyền sử dụng đất thừa đất rộng 6,1 ha tại tiểu khu 960 thuộc lâm phận của Công ty Lâm nghiệp Phước An theo hợp đồng thế chấp số 08/51/NV/HĐTĐ.SĐT ngày 15/12/2008 và hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 08/51/NV/HĐBL ngày 15/12/2008 của Công ty CP Trường Thành. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **4.447.850.000 đồng** và cũng chính là nợ dài hạn đến hạn trả. Số dư này đã quá hạn thanh toán.

Vay từ Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Bình Dương theo hợp đồng tín dụng trung/dài hạn số 2048/14/HĐTĐ/0100-2674 ngày 10/12/2014 với số tiền vay là 40 tỷ đồng. Mục đích vay: đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, sửa chữa nhà xưởng. Thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại ngày 31/12/2014 là 10,89%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là Nguyên liệu gỗ Teak và thành phẩm tồn kho theo Hợp đồng cầm cố hàng hóa số 2047/14/HĐCC-HH/0100/2674 ngày 10/12/2014 với tổng giá trị là 144.397.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **40.000.000.000 đồng**, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 4 tỷ đồng.

Vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN TP.Buôn Ma Thuột theo hợp đồng tín dụng hạn mức số LAV201000226 ngày 03/2/2010 với hạn mức tín dụng 10 tỷ đồng nhằm đầu tư xây dựng văn phòng, nhà máy sản xuất phân hữu cơ vi sinh và vườn ươm cây giống lâm nghiệp. Lãi suất tại ngày 31/12/2014 là 12%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại thửa đất số 218 xã Hòa Tiến, huyện Krông Păk, tỉnh Đăklak (giá trị đảm bảo là 6.340.000.000 đồng). Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2014 là **844.000.000 đồng**, đã quá hạn thanh toán.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(18.2) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản thu nhập chưa thực hiện tương ứng với phần vốn góp và phần chuyển nhượng Quyền sử dụng đất của Công ty vào liên doanh Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	34.410.523.298	28.459.240.342
Doanh thu chưa thực hiện khác	47.545.455	199.316.228
<b>Cộng</b>	<b>34.458.068.753</b>	<b>28.658.556.570</b>

**19. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	735.000.000.000	265.671.000.000	-	1.000.671.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	99.062.086.763	-	31.407.360.000	67.654.726.763
Cổ phiếu quỹ	(420.631.294)	-	-	(420.631.294)
Quỹ đầu tư phát triển	10.494.752.650	138.854.310	-	10.633.606.960
Quỹ dự phòng tài chính	3.767.885.040	-	-	3.767.885.040
Quỹ khác thuộc CSH	8.963.110	-	-	8.963.110
Lợi nhuận chưa phân phối	3.405.797.956	70.619.947.535	396.187.171	73.629.558.320
<b>Cộng</b>	<b>851.318.854.224</b>	<b>336.429.801.845</b>	<b>31.803.547.171</b>	<b>1.155.945.108.898</b>

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	100.067.100	73.500.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	<b>100.067.100</b>	<b>73.500.000</b>
- Cổ phiếu thường	100.067.100	73.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	<b>(16.564)</b>	<b>(16.564)</b>
- Cổ phiếu thường	(16.564)	(16.564)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b>100.050.536</b>	<b>73.483.436</b>
- Cổ phiếu thường	100.050.536	73.483.436
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 10.000 đồng/cổ phần. Mệnh giá thực tế đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phần.

(a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu đã tăng trong năm do:	Theo mệnh giá	Theo giá bán thực tế
Phát hành 19.567.100 cổ phiếu với giá bán 8.400 đồng/cổ phiếu cho các nhà đầu tư, thu bằng tiền gửi ngân hàng:	195.671.000.000	164.363.640.000
Phát hành 7.000.000 cổ phiếu với giá bán 10.000 đồng/cổ phiếu cho các nhà đầu tư, thu bằng tiền gửi ngân hàng:	70.000.000.000	70.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>265.671.000.000</b>	<b>234.363.640.000</b>

(b) Thặng dư vốn cổ phần giảm trong năm do phát hành 19.567.100 cổ phiếu với giá bán là 8.400 đồng/cổ phiếu là 31.307.360.000 đồng và chi phí tư vấn phát hành cổ phiếu là 100.000.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**(c) Lợi nhuận chưa phân phối giảm trong năm do:**

Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	277.708.620
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	138.854.310
(Tăng) / Giảm khác	(20.375.759)
<b>Cộng</b>	<b>396.187.171</b>

**VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

<b>1. Doanh thu thuần</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.276.168.684.716	1.392.683.918.841
Doanh thu xuất hàng mẫu và tiêu dùng nội bộ	2.933.125.795	722.723.926
Doanh thu các hợp đồng thi công công trình	124.565.827.915	152.148.351.201
Doanh thu từ chuyển nhượng 4.000 ha đất trồng rừng	22.931.794.219	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.389.729.440	4.791.181.052
<b>Cộng doanh thu</b>	<b>1.461.989.162.084</b>	<b>1.550.346.175.020</b>
<i>Trừ các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>(3.256.043.778)</i>	<i>(5.035.164.253)</i>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.458.733.118.306</b>	<b>1.545.311.010.767</b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Giá vốn bán thành phẩm và hàng hóa	1.061.295.275.686	1.144.251.822.574
Giá vốn xuất hàng mẫu và tiêu dùng nội bộ	2.921.555.704	722.723.926
Giá vốn thi công công trình	84.535.602.279	91.257.427.174
Giá vốn từ chuyển nhượng 4.000 ha đất trồng rừng	13.704.608.272	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	19.413.392.372	3.345.841.904
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	713.426.288	994.124.086
<b>Cộng</b>	<b>1.182.583.860.600</b>	<b>1.240.571.939.664</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.282.580.000
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	7.321.358.105	1.545.227.294
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.254.222.182	1.425.739.619
Thu nhập từ hoạt động góp vốn liên doanh phân bổ trong kỳ	3.652.522.825	3.652.522.825
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	13.660.953
<b>Cộng</b>	<b>16.228.103.111</b>	<b>8.919.730.691</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Chi phí hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	151.979.159.742	206.691.860.487
Lãi vay được xóa (*)	(104.024.288.074)	-
Lãi trả chậm thanh toán	259.905.723	2.783.353.121
Lỗi chênh lệch tỷ giá	15.004.870.838	8.397.992.271
Lỗi từ việc bán cổ phiếu Công ty CP Sông Hậu	10.448.288.000	-
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(12.226.720.001)	-
Phí ngân hàng	1.604.837.162	713.632.012
Chi phí tài chính khác	449.362.165	586.312.363
<b>Cộng</b>	<b>63.495.415.556</b>	<b>219.173.150.254</b>

(\*) Toàn bộ chi phí lãi vay phát sinh tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam được xóa tính đến ngày 18/6/2014 theo Biên bản thỏa thuận ngày 15/4/2014 giữa DATC và Công ty; Hợp đồng mua bán nợ số 19/2014/HĐ-MBN ngày 27/6/2014; và Công văn số 494/MBN-PMBN ngày 31/7/2014 về việc chuyển giao quyền chủ nợ đối với các khoản phải thu tại Tập đoàn.

5. Chi phí bán hàng	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	4.316.964.794	1.588.693.727
Chi phí vật liệu bao bì	137.654.346	16.131.428
Chi phí khấu hao TSCĐ	17.108.759	95.116.876
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi, hàng mẫu	3.431.764.917	1.857.363.598
Chi phí xuất hàng	4.693.137.288	2.905.413.657
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.279.501.784	4.229.656.879
Chi phí bằng tiền khác	2.562.420.767	1.931.502.241
<b>Cộng</b>	<b>20.438.552.655</b>	<b>12.623.878.406</b>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	61.307.419.128	48.544.737.976
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	2.146.655.913	3.495.138.089
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.183.767.080	3.105.870.249
Thuế, phí và lệ phí	8.377.393.132	5.203.370.187
Chi phí dự phòng	15.767.112.796	3.321.859.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.985.748.524	7.568.026.770
Chi phí bằng tiền khác	6.004.806.649	6.351.854.942
<b>Cộng</b>	<b>103.772.903.223</b>	<b>77.590.857.879</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>7. Thu nhập khác</b>	Năm nay	Năm trước
Thu nhập do nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	411.073.470	5.507.277.417
Thu nhập do bán phế liệu, công cụ dụng cụ	253.073.998	119.741.880
Thu phí lưu kho, tiền điện, tiền cho thuê mặt bằng, cho thuê xe,...	590.693.183	10.605.009.394
Thu nhập do phạt vi phạm	1.598.519.857	-
Thu nhập từ xử lý tài sản, các khoản phải trả	1.533.217.861	4.321.755.143
Thu nhập từ việc thu hộ	1.370.141.587	-
Thu nhập từ nhận bồi thường, hỗ trợ, bảo hiểm	898.554.534	332.883.541
Thu nhập khác	806.862.121	733.491.078
<b>Cộng</b>	<b>7.462.136.612</b>	<b>21.620.158.453</b>
<b>8. Chi phí khác</b>	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của TSCĐ, phế liệu thanh lý, nhượng bán	157.725.407	4.644.598.896
Các khoản tiền phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế, chậm nộp bảo hiểm	17.175.757.956	8.643.100.520
Chi phí phạt vi phạm, bồi thường	1.590.525.234	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các dự án ngừng hoạt động, chi phí khấu hao của tài sản không hoạt động,...	1.265.612.520	2.488.750.042
Chi phí liên quan đến việc cho thuê mặt bằng,...	405.077.182	10.604.211.181
Xử lý công nợ	112.131.421	245.531.416
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung theo biên bản kiểm tra	-	128.967.039
Chi phí thiệt hại do cháy rừng	1.507.512.605	-
Chi phí từ việc thu hộ	1.371.670.200	-
Chi phí khác	1.512.413.921	2.043.324.362
<b>Cộng</b>	<b>25.098.426.445</b>	<b>28.798.483.456</b>
<b>9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>67.184.049.520</b>	<b>(4.693.124.438)</b>
Trong đó:		
- Lợi ích của cổ đông thiểu số / (lỗ)	(3.435.898.015)	(8.562.489.059)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	70.619.947.535	3.869.364.621
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	70.619.947.535	3.869.364.621
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	77.559.484	51.008.903
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>911</b>	<b>76</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**VII. Thông tin khác**

**1. Báo cáo Bộ Phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Chế biến gỗ
- Trồng rừng
- Khác

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

	Chế biến gỗ			Trồng rừng			Khác			Loại trừ			Hợp nhất		Đơn vị tính: triệu đồng
	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	
<b>Doanh thu thuần</b>															
<i>Từ khách hàng bên ngoài</i>	1.181.220	1.491.078	15.143	3.754	262.371	50.479	-	-	-	-	-	-	1.458.733	1.545.311	
<i>Giữa các bộ phận</i>	2.084.569	1.229.395	19.146	19.793	-	-	(2.103.715)	(1.249.189)	-	-	-	-	-	-	
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.265.788</b>	<b>2.720.473</b>	<b>34.289</b>	<b>23.547</b>	<b>262.371</b>	<b>50.479</b>	<b>(2.103.715)</b>	<b>(1.249.189)</b>	<b>(2.103.715)</b>	<b>(1.249.189)</b>	<b>(2.103.715)</b>	<b>(1.249.189)</b>	<b>1.458.733</b>	<b>1.545.311</b>	
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>															
Kết quả của bộ phận	256.724	300.345	(2.477)	521	42.027	4.195	(20.124)	(321)	(20.124)	(321)	(20.124)	(321)	276.149	304.739	
Chi phí không phân bổ	116.501	87.180	6.016	2.059	2.131	2.229	(437)	(1.254)	(437)	(1.254)	(437)	(1.254)	124.211	90.215	
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	140.223	213.165	(8.493)	(1.538)	39.895	1.966	(19.687)	933	(19.687)	933	(19.687)	933	151.938	214.524	
<i>Thu nhập tài chính</i>	13.992	6.163	6.516	7.130	2	3	(4.282)	(4.377)	(4.282)	(4.377)	(4.282)	(4.377)	16.228	8.920	
<i>Chi phí tài chính</i>	73.788	233.107	7.155	8.143	2.939	3.892	(20.387)	(25.969)	(20.387)	(25.969)	(20.387)	(25.969)	63.495	219.173	
<i>Lợi nhuận khác</i>	(11.127)	(3.470)	(1.075)	(1.541)	(1.397)	(1.168)	(4.037)	(999)	(4.037)	(999)	(4.037)	(999)	(17.636)	(7.178)	
<i>Lãi, lỗ công ty liên kết</i>	-	-	(1.958)	(860)	(151)	(405)	-	-	-	-	-	-	(2.109)	(1.265)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.110	520	-	-	-	-	(4.368)	-	(4.368)	-	(4.368)	-	17.741	520	
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>47.191</b>	<b>(17.769)</b>	<b>(12.166)</b>	<b>(4.953)</b>	<b>35.410</b>	<b>(3.496)</b>	<b>(3.251)</b>	<b>21.526</b>	<b>(3.251)</b>	<b>21.526</b>	<b>(3.251)</b>	<b>21.526</b>	<b>67.184</b>	<b>(4.693)</b>	
Lợi ích cổ đông thiểu số	(2.135)	(7.730)	(3.491)	(426)	2.190	(407)	-	-	-	-	-	-	(3.436)	(8.562)	
<b>Lợi nhuận của cổ đông Công ty mẹ</b>	<b>49.326</b>	<b>(10.039)</b>	<b>(8.675)</b>	<b>(4.527)</b>	<b>33.220</b>	<b>(3.090)</b>	<b>(3.251)</b>	<b>21.526</b>	<b>(3.251)</b>	<b>21.526</b>	<b>(3.251)</b>	<b>21.526</b>	<b>70.620</b>	<b>3.870</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các thông tin khác	Chế biến gỗ		Trồng rừng		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản của bộ phận	5.010.700	4.115.141	228.658	269.889	193.649	63.858	(1.426.383)	(932.384)	4.006.624	3.516.503
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	866	818	-	-	-	-	5.084	715	5.950	1.534
Tài sản không phân bổ										
<b>Tổng tài sản</b>	<b>5.011.566</b>	<b>4.115.959</b>	<b>228.658</b>	<b>269.889</b>	<b>193.649</b>	<b>63.858</b>	<b>(1.421.300)</b>	<b>(931.669)</b>	<b>4.012.574</b>	<b>3.518.037</b>
Nợ phải trả của bộ phận	3.581.872	2.968.092	101.278	132.779	139.979	47.361	(1.061.030)	(577.785)	2.762.099	2.570.448
Nợ phải trả không phân bổ										
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>3.581.872</b>	<b>2.968.092</b>	<b>101.278</b>	<b>132.779</b>	<b>139.979</b>	<b>47.361</b>	<b>(1.061.030)</b>	<b>(577.785)</b>	<b>2.762.099</b>	<b>2.570.448</b>
Chi mua sắm tài sản	6.898	18.391	17.500	-	-	-	-	-	24.398	18.391
Chi phí khấu hao	30.900	34.072	3.494	1.107	495	512	149	149	35.037	35.841

Đơn vị tính: triệu đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH VÀ CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

*(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý:

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

	Bình Dương		Đắk Lắk		Phú Yên		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2013
<b>Doanh thu thuần</b>												
<i>Từ khách hàng bên ngoài</i>	1.300.961	1.166.122	(110.623)	325.473	6.025	3.816	262.371	49.899	-	-	1.458.733	1.545.311
<i>Giữa các bộ phận</i>	1.682.052	900.094	372.222	297.386	49.440	51.404	-	305	(2.103.715)	(1.249.189)	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.983.013</b>	<b>2.066.216</b>	<b>261.599</b>	<b>622.860</b>	<b>55.465</b>	<b>55.220</b>	<b>262.371</b>	<b>50.204</b>	<b>(2.103.715)</b>	<b>(1.249.189)</b>	<b>1.458.733</b>	<b>1.545.311</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>												
Kết quả của bộ phận	224.697	259.636	25.526	35.027	3.966	5.457	42.084	4.940	(20.124)	(321)	276.149	304.739
Chi phí không phân bổ	95.896	70.874	22.073	14.385	4.625	4.524	2.054	1.685	(437)	(1.254)	124.211	90.215
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	128.800	188.762	3.454	20.642	(658)	932	40.029	3.255	(19.687)	933	151.938	214.524
<i>Thu nhập tài chính</i>	10.916	5.808	9.591	7.470	1	16	2	3	(4.282)	(4.377)	16.228	8.920
<i>Chi phí tài chính</i>	48.994	183.898	34.634	58.948	(140)	1.298	394	997	(20.387)	(25.969)	63.495	219.173
<i>Lợi nhuận khác</i>	(8.563)	(6.317)	(4.805)	303	(533)	(179)	302	13	(4.037)	(999)	(17.636)	(7.178)
<i>Lãi, lỗ công ty liên kết</i>	-	-	-	-	(1.958)	(860)	(151)	(405)	-	-	(2.109)	(1.265)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.875	426	-	-	206	94	28	-	(4.368)	-	17.741	520
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>60.283</b>	<b>3.929</b>	<b>(26.395)</b>	<b>(30.533)</b>	<b>(3.214)</b>	<b>(1.484)</b>	<b>39.761</b>	<b>1.869</b>	<b>(3.251)</b>	<b>21.526</b>	<b>67.184</b>	<b>(4.693)</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số	5	138	(6.016)	(8.939)	480	219	2.094	20	-	-	(3.436)	(8.562)
<b>Lợi nhuận của cổ đông Công ty mẹ</b>	<b>60.278</b>	<b>3.792</b>	<b>(20.379)</b>	<b>(21.594)</b>	<b>(3.694)</b>	<b>(1.702)</b>	<b>37.666</b>	<b>1.849</b>	<b>(3.251)</b>	<b>21.526</b>	<b>70.620</b>	<b>3.870</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Các thông tin khác	Bình Dương		Đắk Lắk		Phú Yên		Khác		Loại trừ		Hợp nhất		Đơn vị tính: triệu đồng
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Tài sản của bộ phận	4.120.884	3.379.428	1.054.136	875.245	76.680	144.206	181.307	50.009	(1.426.383)	(932.384)	4.006.624	3.516.503	
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	866	818							5.084	715	5.950	1.534	
Tài sản không phân bổ													
<b>Tổng tài sản</b>	<b>4.121.750</b>	<b>3.380.246</b>	<b>1.054.136</b>	<b>875.245</b>	<b>76.680</b>	<b>144.206</b>	<b>181.307</b>	<b>50.009</b>	<b>(1.421.300)</b>	<b>(931.669)</b>	<b>4.012.574</b>	<b>3.518.037</b>	
Nợ phải trả của bộ phận	2.740.611	2.293.375	954.050	749.893	15.345	81.615	113.123	23.350	(1.061.030)	(577.785)	2.762.099	2.570.448	
Nợ phải trả không phân bổ													
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2.740.611</b>	<b>2.293.375</b>	<b>954.050</b>	<b>749.893</b>	<b>15.345</b>	<b>81.615</b>	<b>113.123</b>	<b>23.350</b>	<b>(1.061.030)</b>	<b>(577.785)</b>	<b>2.762.099</b>	<b>2.570.448</b>	
Chi mua sắm tài sản	3.821	14.967	20.577	3.424	-	-	-	-	-	-	24.398	18.391	
Chi phí khấu hao	23.452	24.004	9.880	10.064	1.555	1.620	-	3	149	149	35.037	35.841	



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

*(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**2. Cam kết phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty CP Lâm Nghiệp Trường Thành có các khoản cam kết phân chia lợi nhuận theo các hợp đồng hợp tác đầu tư như sau:

- Theo hợp đồng liên kết số 01/TTC-BQLM'ĐRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Ban Quản Lý Dự Án Rừng Phòng Hộ Núi Vọng Phu ("BQLDA") thì BQLDA đưa vào liên kết diện tích đất bao gồm nhưng không giới hạn 690,84 ha (được giao khoán cho các hộ dân theo chương trình 661) thuộc các tiểu khu 790, 786, 781, 759, 782, 762 nằm trên địa bàn hành chính của 04 xã: Cư M'ta, Ea Trang, EA M'Đoan và Cư Króa huyện M'Đrak tỉnh ĐakLak. Diện tích này sẽ đưa vào liên kết trồng rừng với Công ty cụ thể là: năm 2008 liên kết trồng mới 154,1 ha, năm 2010 liên kết trồng mới 118,7 ha, năm 2011 liên kết trồng mới 177,9 ha, năm 2012 liên kết trồng mới 139,8 ha, năm 2013 liên kết trồng mới 100,34ha. Ngoài ra, BQLDA góp không quá 20% vốn vào suất đầu tư đối với chu kỳ đầu không tính lãi suất từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước (số vốn này BQLDA cung cấp cho Công ty), những chu kỳ tiếp theo BQLDA sẽ dùng suất lợi nhuận thu được từ rừng liên kết tiếp tục đầu tư với tỷ lệ như ban đầu. Các hộ dân sẽ là người trực tiếp tiến hành trồng, chăm sóc quản lý bảo vệ và phòng chống cháy rừng được thực hiện cụ thể thông qua hợp đồng giao khoán. Lợi nhuận sẽ được phân chia theo nguyên tắc BQLDA 40% (trong đó BQLDA 10%, người dân 30%), 60% lợi nhuận còn lại Công ty và BQLDA sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giảm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên.

- Theo hợp đồng liên kết số 02/TTC-M'ĐRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Ban Quản Lý Dự Án Rừng Phòng Hộ Núi Vọng Phu ("BQLDA") thì BQLDA đưa vào liên kết diện tích đất khoảng 1.000 ha đất rừng phòng hộ, khoảng 1.200 ha đất rừng sản xuất và góp không quá 10% vốn vào suất đầu tư đối với chu kỳ đầu từ nguồn thu chỉ tiêu khai thác gỗ tự nhiên của BQLDA nếu có (số vốn góp này BQLDA cung cấp cho Công ty), những chu kỳ tiếp theo BQLDA sẽ dùng suất lợi nhuận thu được từ rừng liên kết tiếp tục đầu tư với tỷ lệ như ban đầu. Lợi nhuận sẽ được phân chia theo nguyên tắc BQLDA 10% lợi nhuận, 90% lợi nhuận còn lại Công ty và BQLDA sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giảm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên.

- Theo hợp đồng liên kết số 03/TTC-CTLN M'ĐRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak thì Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak đưa vào liên kết diện tích đất 600 ha rừng phòng hộ thuộc 02 tiểu khu 797, 802 nằm trên địa bàn hành chính xã Ea Trang huyện M'Đrak tỉnh ĐakLak và tham gia quản lý, tổ chức trồng chăm sóc quản lý phòng chống cháy rừng và các hoạt động khác theo quy trình kỹ thuật của Công ty. Doanh thu có được khi kết thúc mỗi đợt tía thưa/khai thác sẽ được phân chia theo tỷ lệ Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak 10% và Công ty 90%, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giảm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên. Thời gian hợp đồng là 48 năm.

- Theo hợp đồng liên kết số 04/TTC-CTLN LAK ngày 12/3/2009 giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp Lak thì Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak đưa vào liên kết diện tích đất khoảng 4.800 ha và góp khoảng 1,4 tỷ đồng vào suất đầu tư đối với chu kỳ sản xuất đầu (số tiền này từ nguồn vốn đã đầu tư vào 67,6 ha rừng trồng năm 2004 tại tiểu khu 1407 - 1415), số tiền từ định giá khu rừng trồng 161 ha tại các tiểu khu 1407 - 1408 sau khi hai bên thống nhất sẽ ghi vốn bổ sung. Tỷ lệ phân chia doanh thu (bằng tiền hoặc sản phẩm gỗ) sẽ được chia theo tỷ lệ Công ty Lâm Nghiệp Lak 7% doanh thu (sau khi trừ chi phí khai thác/chi phí tía thưa nhưng không bao gồm các khoản thuế theo quy định và tiền thuê đất "nếu có"), 93% còn lại (sau khi trừ chi phí như trên) sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp Lak, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giảm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên. Thời gian hợp đồng 50 năm.

**3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

- Công ty đang tiến hành các thủ tục pháp lý nhằm sáp nhập Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2) vào Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 03-12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 8 năm 2012. Theo Nghị Quyết ĐHCĐ thường niên 2014 ngày 29/4/2014, Công ty sẽ phát hành cổ phiếu hoán đổi toàn bộ số cổ phần của Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2) với số lượng là 4.523.900 cổ phần và tỉ lệ hoán đổi là 1:1.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Theo Nghị Quyết HĐQT số 22-14/NQ-HĐQT ngày 11/12/2014, đã thống nhất phương án phát hành 30 triệu cổ phiếu trong năm 2015.

- Công ty đang tiến hành các thủ tục để đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo số vốn điều lệ mới tăng thêm.

Ngoài sự kiện những như đã nêu trên, Tập đoàn không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### VIII. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

#### 1. Rủi ro thị trường

##### 1.1 Rủi ro tiền tệ

Tập đoàn chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Tập đoàn đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đối với USD là như sau:

Tài sản tài chính	Tại ngày 31/12/2014	
	USD	VND tương đương
Tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng	27.233,45	581.606.217
Phải thu khách hàng	15.230.886,95	322.369.359.784
Ký quỹ	4.020,00	85.923.480
<b>Tổng cộng</b>	<b>15.262.140,40</b>	<b>323.036.889.482</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Vay và nợ ngắn hạn	29.318.585,99	626.479.545.434
Phải trả người bán	2.143,63	45.817.916
Chi phí phải trả (Chi phí lãi vay)	1.346.199,00	28.765.580.232
<b>Tổng cộng</b>	<b>30.666.928,62</b>	<b>655.290.943.582</b>
<b>Mức rủi ro tiền tệ</b>	<b>(15.404.788,22)</b>	<b>(332.254.054.100)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn cho năm tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (16.612.702.705) đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

##### 1.2 Rủi ro giá

Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 1.3 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Tập đoàn quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

Tại ngày 31/12/2014

#### Tài sản có lãi suất

Tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn	49.067.000.000
Cho vay ngắn hạn	28.941.064.000
Cho vay dài hạn	19.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>97.008.064.000</b>

Tổng số dư Tài sản có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 1.935.739.320 đồng (A).

#### Nợ phải trả có lãi suất

Các khoản vay, nợ phải trả	1.956.193.299.797
<b>Tổng</b>	<b>1.956.193.299.797</b>

Tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 39.229.529.442 đồng (B).

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (A) - (B) = (37.183.704.716) đồng.

### 2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Tập đoàn bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

#### Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Tập đoàn bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Tập đoàn đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Tập đoàn sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

#### Số dư ngân hàng

Tập đoàn có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Tập đoàn là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

**Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị**

Tiền gửi Ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư vào trái phiếu phát hành ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Tập đoàn.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu khác và cho vay của Tập đoàn không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 737.971.530.211 đồng.

**Tài sản tài chính quá hạn và/ hoặc suy giảm giá trị**

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Tại ngày 31/12/2014</b>
Tổng gộp	42.128.415.277
Trừ dự phòng giảm giá trị	(26.741.352.122)
<b>Giá trị thuần của khoản phải thu này</b>	<b>15.387.063.155</b>
<b>Dự phòng giảm giá trị</b>	
Số dư đầu năm (01/01/2014)	(10.974.239.326)
Tăng (do trích lập dự phòng)	(15.767.112.796)
Giảm	-
<b>Số dư cuối năm (31/12/2014)</b>	<b>(26.741.352.122)</b>

**3. Rủi ro thanh toán**

Rủi ro thanh toán là rủi ro Tập đoàn ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Tập đoàn là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Tập đoàn và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Tập đoàn.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>Dưới 01 năm</b>	<b>Từ 01 đến 05 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
Các khoản vay và nợ	1.858.302.549.797	97.890.750.000	1.956.193.299.797
Phải trả người bán	206.920.358.256	-	206.920.358.256
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	99.704.786.770	-	99.704.786.770
Phải trả người lao động	32.528.473.144	-	32.528.473.144
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	379.346.274.681	1.000.000.000	380.346.274.681
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.576.802.442.648</b>	<b>98.890.750.000</b>	<b>2.675.693.192.648</b>

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là rất cao. Tập đoàn đang trong tiến trình làm việc với các Ngân hàng nhằm đạt được giải pháp thu xếp vốn hợp lý.



# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

## Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã thế chấp, cầm cố hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, các khoản nợ phải thu sẽ hình thành trong tương lai cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn (thuyết minh tại mục số V.3, 4, 6, 7, 11.1, và 18.1 - phần Thuyết minh các Báo cáo Tài chính hợp nhất).

Tập đoàn nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 là toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân đi vay và tổ chức đi vay tại thời điểm trước và sau khi nhận nợ.

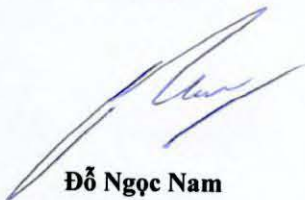
## Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

Tại ngày 31/12/2014	Giá trị sổ sách	So sánh giá trị thuần với giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>					
Tiền gửi có kỳ hạn	49.067.000.000	-	-	49.067.000.000	-
Cho vay ngắn hạn	28.941.064.000	-	-	28.941.064.000	-
<b>Các khoản đầu tư dài hạn</b>					
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	96.191.518.700	-	(5.103.035.364)	91.088.483.336	-
Chứng khoán vốn chưa niêm yết (thuộc đầu tư dài hạn khác)	76.467.364.766	-	(104.239.264)	76.363.125.502	(104.239.264)
Cho vay dài hạn	19.000.000.000	-	-	19.000.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>269.666.947.466</b>	<b>-</b>	<b>(5.207.274.628)</b>	<b>264.459.672.838</b>	<b>(104.239.264)</b>

Người lập biểu

  
Đỗ Ngọc Nam

Kế toán trưởng

  
Đào Ngọc Quyết

Bình Dương, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Võ Trường Thành